

Phụ lục

TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA QUỐC HỘI VỀ GIÁM SÁT
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BNNMT ngày tháng năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Định lượng chỉ tiêu, hoạt động thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
I	Nghị quyết số 263/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 về tiếp tục thực hiện các nghị quyết của Quốc hội khóa XIV và khóa XV về giám sát chuyên đề và chất vấn					
1.	Đẩy nhanh tiến độ phê duyệt Đề án phát triển nguồn nhân lực ngành nông nghiệp đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045, bảo đảm phù hợp với nhiệm vụ sắp xếp tổ chức bộ máy ở trung ương và địa phương.	Vụ Tổ chức cán bộ	Các đơn vị trực thuộc Bộ có liên quan	Đề án phát triển nguồn nhân lực ngành nông nghiệp đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt	Tháng 6/2026 ¹	
2.	Tập trung xây dựng các hệ thống cơ sở dữ liệu về cây trồng, vật nuôi, thủy sản, thủy lợi, phòng, chống thiên tai					
2.1	Xây dựng các Hệ thống cơ sở dữ liệu về trồng trọt	Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Cục Chuyển đổi số và các đơn vị trực thuộc Bộ có liên quan	Cơ sở dữ liệu được xây dựng, vận hành đưa vào khai thác, sử dụng, kết nối, đồng bộ với Trung tâm dữ liệu quốc gia.	Năm 2026	
2.2	Xây dựng các hệ thống cơ sở dữ liệu về chăn nuôi	Cục Chăn nuôi và Thú y	Cục Chuyển đổi số và các đơn vị trực	Cơ sở dữ liệu được xây dựng, vận hành đưa vào khai thác, sử dụng, kết	Giai đoạn 2026-2027	

¹ Thời gian thực hiện xác định theo Công văn số 38/TTg ngày 09 tháng 01 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc triển khai thực hiện Nghị quyết tại Kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XV.

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Định lượng chỉ tiêu, hoạt động thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
			thuộc Bộ có liên quan	nối, đồng bộ với Trung tâm dữ liệu quốc gia.		
2.3	Xây dựng các hệ thống cơ sở dữ liệu về thủy sản (Cơ sở dữ liệu nghề cá quốc gia; cơ sở dữ liệu nuôi trồng thủy sản)	Cục Thủy sản và Kiểm ngư	Cục Chuyển đổi số và các đơn vị trực thuộc Bộ có liên quan	Cơ sở dữ liệu được xây dựng, vận hành đưa vào khai thác, sử dụng	Năm 2026	
2.4	Xây dựng các hệ thống cơ sở dữ liệu về thủy lợi	Cục Quản lý và Xây dựng Công trình Thủy lợi	Cục Chuyển đổi số và các đơn vị trực thuộc Bộ có liên quan	Cơ sở dữ liệu được xây dựng, vận hành đưa vào khai thác, sử dụng	Giai đoạn 2026-2027	
2.5	Xây dựng các hệ thống cơ sở dữ liệu về phòng, chống thiên tai	Cục Quản lý đề điều và Phòng, chống thiên tai	Cục Chuyển đổi số và các đơn vị trực thuộc Bộ có liên quan	Cơ sở dữ liệu được xây dựng, vận hành đưa vào khai thác, sử dụng	Giai đoạn 2026-2027	
3.	Hoàn thành Cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai kết nối, đồng bộ với Trung tâm Dữ liệu quốc gia.	Cục Chuyển đổi số	Các đơn vị trực thuộc Bộ có liên quan	Hoàn thiện Cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai kết nối, đồng bộ với Trung tâm dữ liệu quốc gia	Năm 2026	
4.	Ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về một số chính sách	Cục Thủy sản và Kiểm ngư	Các đơn vị trực thuộc Bộ có liên quan.	Trình Chính phủ ban hành Nghị định quy định một số chính sách phát triển thủy sản (thay	Tháng 2/2026 ²	

² Thời gian thực hiện xác định theo Công văn số 38/TTg ngày 09 tháng 01 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc triển khai thực hiện Nghị quyết tại Kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XV.

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Định lượng chỉ tiêu, hoạt động thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
	phát triển thủy sản nhằm tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc liên quan đến đóng tàu vỏ thép.			thể Nghị định số 67/2014/NĐ-CP)		
5.	Bổ trí đủ nguồn lực, đẩy nhanh việc sắp xếp, di dời, bố trí ổn định dân cư vùng có nguy cơ cao xảy ra thiên tai, nhất là vùng bị lũ quét, sạt lở đất, bảo đảm sinh kế cho người dân.	Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn.	Các đơn vị trực thuộc Bộ có liên quan.	Phấn đấu hàng năm (trong giai đoạn 2026-2030), trên địa bàn cả nước bố trí, sắp xếp ổn định từ 5.000 đến 6.000 hộ vùng có nguy cơ cao về thiên tai (lũ, lũ quét, sạt lở đất, ngập lụt,...); đồng thời lồng ghép các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, tạo sinh kế cho các hộ di dân, an tâm ổn định đời sống lâu dài.	Giai đoạn 2026-2030	
6.	Kiểm tra, đôn đốc các địa phương giải quyết tình trạng thiếu đất ở, đất sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số.	Cục Quản lý đất đai	Các đơn vị trực thuộc Bộ có liên quan.	Thực hiện theo kế hoạch kiểm tra về đất đai hằng năm của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Giai đoạn 2026-2030	
7.	Tiếp tục đôn đốc triển khai thực hiện phương án sắp xếp, đổi mới các công ty nông, lâm nghiệp.	Vụ Kế hoạch Tài chính	Các đơn vị trực thuộc Bộ có liên quan.	- Thẩm định Phương án điều chỉnh sắp xếp đổi mới công ty nông lâm nghiệp theo Nghị định 04/2024/NĐ-CP.	Hàng năm	

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Định lượng chỉ tiêu, hoạt động thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
				- Hướng dẫn thủ tục giải thể các công ty nông lâm nghiệp.		
8.	Tiếp tục rà soát, cập nhật, hoàn thiện các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bảo vệ môi trường. Đôn đốc, hướng dẫn các địa phương triển khai đồng bộ hoạt động phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn. Chú trọng xử lý chất thải rắn sinh hoạt, nước thải và khắc phục ô nhiễm, quản lý chất lượng môi trường không khí tại các đô thị lớn.	Cục Môi trường	Các đơn vị trực thuộc Bộ có liên quan.	(1) Rà soát, cập nhật, hoàn thiện các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bảo vệ môi trường: - Dự kiến ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy trong nguyên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị trong năm 2026. (2) Khắc phục ô nhiễm và quản lý chất lượng môi trường không khí tại các đô thị lớn: Thực hiện theo Kế hoạch hành động quốc gia về khắc phục ô nhiễm và quản lý chất lượng môi trường không khí giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Năm 2026 Giai đoạn 2026 - 2030 (Theo Kế hoạch hành động quốc gia đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 2530/QĐ-TTg ngày 19/11/2025)	
II	Nghị quyết số 62/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội về hoạt động chất vấn tại Kỳ họp thứ 3, Quốc hội khóa XV					

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Định lượng chỉ tiêu, hoạt động thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1.	Tiếp tục đẩy mạnh cơ cấu lại ngành nông nghiệp trên nền tảng ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, gắn với phát triển kinh tế nông thôn và xây dựng nông thôn mới theo hướng nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh; lấy người nông dân là chủ thể và trung tâm.	Vụ Kế hoạch – Tài chính.	Các đơn vị trực thuộc Bộ có liên quan.	1. Trên cơ sở các mục tiêu, nội dung, định hướng, nhiệm vụ, giải pháp cơ cấu lại nền kinh tế (được cấp có thẩm quyền phê duyệt), xây dựng Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2026-2030. 2. Tiếp tục thực hiện cơ cấu lại các tiểu ngành, lĩnh vực và trong từng ngành thực chất, hiệu quả, gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng thông qua tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số, đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả. 3. Thực hiện hiệu quả Chương trình MQTQG xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030	Giai đoạn 2026-2030	

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Định lượng chỉ tiêu, hoạt động thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
2.	Bảo đảm vững chắc an ninh lương thực quốc gia, gắn an ninh lương thực với an ninh nguồn nước, bảo vệ, làm giàu đất đai, bảo vệ môi trường sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững.	Vụ Kế hoạch – Tài chính.	Các đơn vị trực thuộc Bộ có liên quan.	1. Tiếp tục rà soát, sửa đổi và đồng bộ hóa pháp luật, cơ chế chính sách về đất đai, tài chính, tín dụng, bảo hiểm...; bảo vệ nghiêm diện tích đất lúa theo quy hoạch, cho phép chuyển đổi linh hoạt cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất lúa nhưng không làm thay đổi tính chất sử dụng, bảo đảm mục tiêu ổn định quỹ đất lúa. 2. Phối hợp với Ban Chính sách, chiến lược Trung ương tiếp tục quán triệt và tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả mục tiêu, nội dung Kết luận 81-KL/TW và Nghị quyết 34/NQ-CP nhằm đảm bảo an ninh lương thực quốc gia	Hàng năm	
3.	Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ sản xuất, kinh doanh dịch vụ nông nghiệp, chế biến,	Vụ Tổ chức cán bộ.	Các đơn vị trực thuộc Bộ có liên quan.	- Tổ chức các lớp đào tạo nghề, tập huấn cho lao động nông thôn;	Hàng năm	

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Định lượng chỉ tiêu, hoạt động thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
	bảo quản nông sản, đáp ứng nhu cầu cơ cấu lại ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới.			- Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý; chuyển giao công nghệ; - Xây dựng, cập nhật chương trình đào tạo các ngành nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới.		
4.	Xây dựng và triển khai Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa XIII về phát triển kinh tế tập thể và hợp tác xã.	Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn.	Các đơn vị trực thuộc Bộ có liên quan.	- Rà soát, hoàn thiện, đồng bộ Chương trình hành động của Bộ Nông nghiệp và Môi trường giai đoạn 2026-2030; - Xây dựng Chương trình tổng thể về đào tạo nông dân số, nông dân chuyên nghiệp và đội ngũ quản trị hợp tác xã hiện đại, góp phần hình thành lực lượng lao động nông nghiệp có tri thức, kỹ năng tham gia chuỗi giá trị toàn cầu; Chương trình đào tạo phát triển nguồn nhân lực nông nghiệp phục vụ các mục tiêu phát triển kinh tế tập thể, liên kết sản xuất theo chuỗi giá	Giai đoạn 2026-2030	

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Định lượng chỉ tiêu, hoạt động thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
				trị, kinh tế nông nghiệp sinh thái, xanh, tuần hoàn và chuyển đổi số; Mở rộng và phát triển Đề án Thí điểm xây dựng vùng nguyên liệu nông, lâm sản đạt chuẩn phục vụ tiêu thụ trong nước và xuất khẩu . - Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện tại các địa phương; tổng hợp, báo cáo và đề xuất giải pháp.		
5.	Đổi mới, nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác, chú trọng phát triển quy mô thành viên và tăng nhanh tỷ trọng hợp tác xã hoạt động có hiệu quả; hoàn thành mục tiêu có 25.000 hợp tác xã kiểu mới trong nông nghiệp.	Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn.	Các đơn vị trực thuộc Bộ có liên quan.	- Hướng dẫn, hỗ trợ thành lập mới, củng cố và nâng cao chất lượng HTX nông nghiệp. - Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng quản trị hợp tác xã; hỗ trợ ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. - Phấn đấu đến năm 2030: Cả nước có 29.000 hợp tác xã nông nghiệp; trong đó có 25.000 hợp tác xã nông	Giai đoạn 2026-2030	

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Định lượng chỉ tiêu, hoạt động thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
				ngành được đánh giá, xếp loại khá, tốt (chiếm 86%)		
6.	Tổ chức sản xuất, liên kết thị trường theo chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp giữa nông dân với nông dân, giữa nông dân với doanh nghiệp, trong đó chú trọng phát huy vai trò của các hợp tác xã tham gia chuỗi giá trị. Tổ chức quản lý, nâng cao hiệu quả và phát huy vai trò của hệ thống thương nhân tại cơ sở, bảo đảm hài hòa lợi ích các bên trong tham gia chuỗi giá trị nông sản.	Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn.	Các đơn vị trực thuộc Bộ có liên quan.	- Sửa đổi, bổ sung Nghị định 98/2018/NĐ-CP - Hướng dẫn tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị, lấy hợp tác xã làm trung tâm liên kết. - Phối hợp rà soát, quản lý và phát huy vai trò hệ thống thương nhân tại cơ sở; hỗ trợ kết nối thị trường, bảo đảm hài hòa lợi ích các bên trong chuỗi giá trị nông sản. - Phấn đấu đến năm 2030: + Cả nước có trên 5.000 hợp tác xã nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. + Khoảng 50% hợp tác xã nông nghiệp liên kết với doanh nghiệp theo chuỗi giá trị.	Giai đoạn 2026-2030	

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Định lượng chỉ tiêu, hoạt động thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
7.	Củng cố, tổ chức lại hệ thống cung ứng và phân phối sản phẩm nông nghiệp; tăng cường ứng dụng công nghệ số, thương mại điện tử. Nâng cao năng lực chế biến, bảo quản nông sản, tăng cường chế biến sâu. Thực hiện các giải pháp đột phá để gia tăng giá trị kinh tế nông nghiệp; chú trọng đẩy mạnh xây dựng các trung tâm logistics nông sản, hệ thống kho lạnh gắn với vùng nguyên liệu tập trung, vùng xuất khẩu nông sản có chỉ dẫn địa lý.	Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường.	Các đơn vị trực thuộc Bộ có liên quan.	- Kế hoạch hàng năm triển khai Đề án/ Chương trình/ Kế hoạch liên quan đến các nhiệm vụ về chế biến, nâng cao chất lượng, an toàn thực phẩm, chỉ dẫn địa lý, logistic, phát triển thương hiệu, xúc tiến thương mại và phát triển thị trường nông lâm sản và thủy sản. - Đánh giá sơ kết hàng năm và tổng kết cả giai đoạn 2026 - 2030 và tổng hợp kết quả, chỉ số đầu ra.	Giai đoạn 2026-2030	
8.	Hỗ trợ tổ chức, cá nhân tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; xây dựng và triển khai đề án chuyển mạnh từ xuất khẩu tiểu ngạch sang chính ngạch và các đề án cụ thể để đẩy mạnh xuất khẩu nông sản sang các thị trường trọng điểm, đa dạng hóa thị trường xuất khẩu kết hợp với phát triển thị trường trong nước.	Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường.	Các đơn vị trực thuộc Bộ có liên quan.	- Kế hoạch hàng năm về xúc tiến thương mại và phát triển thị trường nông lâm thủy sản. - Xử lý, tháo gỡ vướng mắc kỹ thuật về an toàn thực phẩm trong xuất nhập khẩu nông lâm sản và thủy sản - Tổng hợp, cập nhật, phổ biến quy định kỹ thuật, thông tin thị	Giai đoạn 2026-2030	

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Định lượng chỉ tiêu, hoạt động thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
				trường và thị hiệu tiêu dùng.		
9.	Xây dựng, khẩn trương thực hiện đề án tạo dựng và phát triển thương hiệu nông sản Việt Nam.	Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường.	Các đơn vị trực thuộc Bộ có liên quan.	- Kế hoạch hàng năm về xúc tiến thương mại và phát triển thị trường nông lâm thủy sản. - Đánh giá kết quả đầu ra hàng năm và tổng kết cho cả giai đoạn 2026 - 2030	Giai đoạn 2026-2030	
10.	Nâng cao năng lực dự báo, xác định nhu cầu thị trường, thúc đẩy phát triển các vùng sản xuất hàng hóa theo nhóm sản phẩm chủ lực cấp quốc gia, cấp tỉnh và nhóm sản phẩm chủ lực địa phương – OCOP.	- Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường. - Văn phòng Điều phối Nông thôn mới Trung ương: chủ trì nội dung báo cáo về phát triển sản phẩm OCOP	Các đơn vị trực thuộc Bộ có liên quan.	- Tổng hợp, cập nhật, phổ biến quy định kỹ thuật, thông tin thị trường và thị hiệu tiêu dùng (hàng năm). - Xây dựng và tổ chức triển khai kế hoạch giám sát chất lượng sản phẩm OCOP (hàng năm); - Về phát triển sản phẩm OCOP: (1) Xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí và quy trình đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP. (2) Xây dựng nội dung, hướng dẫn và tổ chức thực hiện phát triển sản	Giai đoạn 2026-2030	

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Định lượng chỉ tiêu, hoạt động thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
				phẩm OCOP gắn với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035.		
11.	Đánh giá chính xác tình hình thế giới và nhu cầu trong nước, cân đối, điều tiết xuất nhập khẩu vật tư đầu vào. Không để xảy ra tình trạng thiếu chủ động về giống và vật tư nông nghiệp.	Cục Thủy sản và Kiểm ngư, Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Cục Chăn nuôi và Thú y (theo lĩnh vực phân công).	Các đơn vị trực thuộc Bộ có liên quan.	1. <i>Lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật:</i> Theo dõi, cập nhật tình hình sản xuất, xuất, nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, giống cây trồng trong nước và thế giới 2. <i>Lĩnh vực thủy sản và kiểm ngư:</i> Tiếp tục triển khai thực hiện quản lý giống thủy sản, thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản theo quy định của pháp luật. 3. <i>Lĩnh vực chăn nuôi và thú y:</i> * Về giống vật nuôi:	Hằng năm	

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Định lượng chỉ tiêu, hoạt động thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
				- Mục tiêu phát triển giống vật nuôi giai đoạn 2026-2030: Đảm bảo giống vật nuôi hàng năm, giảm phụ thuộc nhập giống, hình thành và củng cố hệ thống giống vật nuôi. Đến năm 2030: $\geq 90\%$ nhu cầu giống lợn; $\geq 80\%$ nhu cầu giống gà, 100% nhu cầu giống vịt, $\geq 70\%$ nhu cầu giống gia súc ăn cỏ được đáp ứng từ nguồn trong nước. - Định lượng chỉ tiêu nội dung phát triển giống vật nuôi: + <i>Đối với lợn</i>: Tỷ lệ giống, tinh, phôi sản xuất trong nước: 2026: $\geq 80\%$ và đến 2030: $\geq 90\%$; Đàn giống cụ kỵ, ông bà, bố mẹ tăng tối thiểu 25–30% so với 2025. + <i>Đối với gia cầm</i>: Chủ động $\geq 75\%$ giống gia cầm năm 2026 và $\geq 80\%$		

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Định lượng chỉ tiêu, hoạt động thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
				năm 2030; Giảm tỷ lệ nhập khẩu giống thương phẩm xuống $\leq 5\%$ năm 2030; 100% cơ sở giống quy mô lớn tham gia hệ thống quản lý giống. +Đối với gia súc ăn cỏ (trâu, bò, dê, cừu): Tỷ lệ chủ động giống trong nước năm 2026: $\geq 65\%$ và đến 2030: $\geq 70\%$; Tỉnh/phôi giống nội địa đạt $\geq 70\%$ năm 2030; Đàn giống hạt nhân, nhân giống tăng tối thiểu 25-35% so với 2025. * Về Thức ăn chăn nuôi: - Công nghiệp hóa sản xuất các loại thức ăn bổ sung trong nước có lợi thế (chế phẩm vi sinh vật, enzyme, thảo dược, các hợp chất thiên nhiên, khoáng đa lượng, khoáng vi lượng, khoáng tự nhiên...) để cung cấp khoảng 20 - 25% nhu cầu vào năm		

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Định lượng chỉ tiêu, hoạt động thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
				2025 và 30 - 35% vào năm 2030. - Đẩy mạnh áp dụng công nghệ cao, công nghệ tiên tiến trong chế biến các loại phụ phẩm nông nghiệp, công nghiệp, chế biến thực phẩm... làm thức ăn chăn nuôi theo hướng công nghiệp hóa, nâng cao giá trị sử dụng và hiệu quả kinh tế. - Sản lượng thức ăn chăn nuôi công nghiệp đạt 24 - 25 triệu tấn vào năm 2025 và 30 - 32 triệu tấn vào năm 2030; đáp ứng tối thiểu 70% tổng nhu cầu thức ăn chăn nuôi tỉnh. - Mở rộng một phần diện tích đất nông nghiệp để sản xuất nguyên liệu thức ăn chăn nuôi theo hướng công nghiệp hóa đáp ứng nhu cầu trong nước		

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Định lượng chỉ tiêu, hoạt động thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
				và hạn chế việc nhập khẩu.		
12.	Khuyến khích sản xuất, tăng cường sử dụng phân bón hữu cơ và thuốc bảo vệ thực vật sinh học, nhất là tại vùng Đồng bằng sông Cửu Long và các vùng có sản phẩm trọng điểm của sản xuất nông nghiệp.	Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật.	Các đơn vị trực thuộc Bộ có liên quan.	Triển khai các đề án “Phát triển sản xuất và sử dụng thuốc bảo vệ thực vật sinh học đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050” (Quyết định số 5415/QĐ-BNN-BVTV ngày 18/12/2023); Đề án phát triển sản xuất và sử dụng phân bón hữu cơ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quyết định số 5190/QĐ-BNN - BVTV ngày 07/12/2023 về việc phê duyệt); Đề án “Nâng cao sức khỏe đất và quản lý dinh dưỡng cây trồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050” (Quyết định số 3458/QĐ-BNN-BVTV ngày 11/10/2024 về việc phê duyệt).	Hàng năm	
13.	Tăng cường kiểm tra, kiểm soát, minh bạch về giá, chất lượng phân bón, thuốc bảo	Cục Thủy sản và Kiểm ngư, Cục Trồng trọt và	Các đơn vị trực thuộc Bộ có liên quan.	<i>1. Lĩnh vực thủy sản và kiểm ngư:</i>	Hàng năm	

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Định lượng chỉ tiêu, hoạt động thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
	vệ thực vật, thức ăn chăn nuôi, thủy sản; xử lý nghiêm các vi phạm.	Bảo vệ thực vật, Cục Chăn nuôi và Thú y (theo lĩnh vực phân công).		- Xây dựng và triển khai thực hiện các đoàn kiểm tra chuyên ngành; - Thực hiện kiểm tra duy trì điều kiện cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản; cơ sở sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản theo quy định. <i>2. Lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật:</i> Tăng cường sự phối hợp với các cơ quan, lực lượng chức năng trong công tác quản lý, kiểm tra, kiểm soát việc chấp hành quy định pháp luật ở tất cả các hoạt động sản xuất, kinh doanh phân bón, thuốc bảo vệ thực vật <i>3. Lĩnh vực chăn nuôi và thú y:</i> tổ chức đoàn công tác đến kiểm tra về việc tuân thủ quy định của nhà nước trong hoạt động nhập sản xuất,		

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Định lượng chỉ tiêu, hoạt động thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
				nhập khẩu thức ăn chăn nuôi.		
14.	Tăng cường sử dụng sản phẩm nông nghiệp trong nước và phụ phẩm chế biến để sản xuất thức ăn chăn nuôi, thủy sản, giảm phụ thuộc vào nguồn nhập khẩu.	Cục Chăn nuôi và Thú y, Cục Thủy sản và Kiểm ngư (theo lĩnh vực phân công).	Các đơn vị trực thuộc Bộ có liên quan.	1. <i>Lĩnh vực thủy sản và kiểm ngư</i>: Triển khai thực hiện quản lý giống thủy sản, thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản theo quy định của pháp luật. 2. <i>Lĩnh vực chăn nuôi và thú y</i>: Triển khai Đề án "Phát triển công nghiệp chế biến thức ăn chăn nuôi đến năm 2030" (thường được gọi tắt là đề án phát triển công nghiệp sản xuất thức ăn chăn nuôi) theo Quyết định số 2488/QĐ-BNN-CN ngày 19/7/2024 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	Hằng năm	
15.	Rà soát, hoàn thiện chính sách, pháp luật thu hút đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; bố trí, cân đối nguồn lực để thực hiện các chính sách đã được ban hành. Triển khai	Vụ Kế hoạch – Tài chính.	Các đơn vị trực thuộc Bộ có liên quan.	1. Phối hợp với Bộ Tài chính triển khai thực hiện các chính sách thu hút đầu tư vào khu vực nông nghiệp nông thôn	Giai đoạn 2026-2030	

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Định lượng chỉ tiêu, hoạt động thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
	hiệu quả các cơ chế, chính sách và giải pháp đồng bộ thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất kinh doanh nông - lâm - thủy sản phục hồi, phát triển sau dịch COVID-19 và tiếp cận xu thế chuyển đổi sang nền nông nghiệp xanh, tuần hoàn, sinh thái.			theo quy định tại Nghị định thay thế Nghị định 57/2018/N Đ-CP. 2. Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định Luật Hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa và Hỗ trợ doanh nghiệp tư nhân theo Nghị quyết số 198/2025/QH15 giao cho các Trường, Viện, Trung tâm tổ chức thực hiện. + Tổ chức các khóa đào tạo tại doanh nghiệp và các hộ kinh doanh.		
16.	Cắt giảm, đơn giản hóa mạnh mẽ thủ tục, điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp; cắt giảm danh mục hàng hóa, sản phẩm phải kiểm tra chuyên ngành, rút ngắn thời gian kiểm tra, tăng cường quản lý rủi ro, không để xảy ra tình trạng nhũng nhiễu doanh nghiệp trong	Văn phòng Bộ	Các đơn vị trực thuộc Bộ có liên quan.	Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật để cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp nhằm thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước về nội dung này.	Hằng năm	

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Định lượng chỉ tiêu, hoạt động thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
	các khâu cấp phép, kiểm dịch thực vật và động vật					
17.	Khẩn trương xây dựng hệ thống dữ liệu ngành nông nghiệp; khuyến khích số hóa, tích hợp, chuẩn hóa các quy trình sản xuất; nâng cao trình độ, năng lực của nông dân trong việc tiếp cận công nghệ số phục vụ sản xuất, kinh doanh nông sản.	Cục Chuyển đổi số.	Các đơn vị trực thuộc Bộ có liên quan.	Cơ sở dữ liệu được xây dựng, vận hành đưa vào khai thác, sử dụng, kết nối, đồng bộ với Trung tâm dữ liệu quốc gia.	Năm 2026	
III	Nghị quyết số 141/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024 của Quốc hội về hoạt động chất vấn tại Kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa XV³					
1	Về quản lý, khai thác, bảo vệ tài nguyên biển quốc gia					
1.2	Đẩy nhanh chuyển đổi số, sớm hoàn thiện hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo quốc gia, hệ thống hỗ trợ công tác quản lý về giao, sử dụng khu vực biển.	Cục Biển và Hải đảo Việt Nam.	Các đơn vị trực thuộc Bộ có liên quan.	- Xây dựng, hoàn thiện hành lang pháp lý phục vụ thu nhận, tạo lập, quản lý, kết nối, chia sẻ, dịch vụ dữ liệu; - Cung cấp, khai thác sử dụng thông tin dữ liệu lĩnh vực quản lý tổng hợp tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo.	Giai đoạn 2026 - 2030	Nội dung thuộc Dự án Xây dựng, hoàn thiện hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường (Giai đoạn I) do Cục Chuyển đổi số chủ trì.

³ Được triển khai bởi Văn bản số 539/TTg-QHĐP ngày 19 tháng 7 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về triển khai thực hiện Nghị quyết tại Kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa XV.

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Định lượng chỉ tiêu, hoạt động thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1.4	Thực hiện hiệu quả Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.	Cục Biển và Hải đảo Việt Nam.	Các đơn vị trực thuộc Bộ có liên quan.	- Thành lập các Nhóm công tác chuyên đề đối với một số lĩnh vực trọng tâm, trọng điểm về phát triển kinh tế biển; - Tổ chức kiểm tra, đôn đốc thực hiện Chiến lược tại các bộ, ngành, địa phương có biển; theo dõi kiểm tra tình hình thực hiện và đánh giá kết quả các đề án, dự án đã được phê duyệt; - Tổng hợp báo cáo tình hình triển khai Nghị quyết số 36-NQ/TW và đề xuất, kiến nghị những khó khăn, vướng mắc, bài học kinh nghiệm và nhiệm vụ, giải pháp.	Giai đoạn 2026 - 2030	
1.5	Ưu tiên nguồn lực nghiên cứu, điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.	Cục Biển và Hải đảo Việt Nam.	Các đơn vị trực thuộc Bộ có liên quan.	- Triển khai thực hiện Dự án: “Tăng cường năng lực trang thiết bị kỹ thuật hiện đại phục vụ công tác điều tra cơ bản và quản lý tổng hợp tài nguyên môi trường biển và hải đảo” (giai đoạn I);	Giai đoạn 2026 - 2030	

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Định lượng chỉ tiêu, hoạt động thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
				+ Báo cáo Bộ xem xét tính khả thi việc xây dựng và thực hiện Dự án: “Đầu tư tàu điều tra, nghiên cứu tài nguyên và môi trường biển”; + Trình Bộ xem xét phê duyệt chủ trương đầu tư đối với 03 dự án: (i) <i>Tăng cường năng lực trang thiết bị kỹ thuật hiện đại phục vụ công tác điều tra cơ bản và quản lý tổng hợp tài nguyên môi trường biển và hải đảo” (giai đoạn II); (ii) dự án: “Đầu tư cơ sở vật chất phục vụ điều tra cơ bản, lưu trữ bảo quản mẫu vật cho các đơn vị sự nghiệp khu vực phía Bắc trực thuộc Cục Biển và Hải đảo Việt Nam”;</i> (iii) dự án <i>Đầu tư xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu và hệ thống thông tin tích hợp và hiện đại hóa công tác quản lý tổng</i>		

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Định lượng chỉ tiêu, hoạt động thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
				<i>hợp tài nguyên môi trường biển và hải đảo”.</i>		
1.6	Tăng cường tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về việc khai thác, sử dụng tài nguyên biển.	Cục Biển và Hải đảo Việt Nam.	Các đơn vị trực thuộc Bộ có liên quan.	- Xây dựng trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt Đề án tuyên truyền về biển, hải đảo: “Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển, hải đảo và không gian biển”.	Giai đoạn 2027 - 2030	Trình Bộ phê duyệt danh mục nhiệm vụ mở mới.
1.7	Đề án kiểm soát chặt chẽ các nguồn thải ở khu vực ven biển, trên đảo.	Cục Biển và Hải đảo Việt Nam.	Các đơn vị trực thuộc Bộ có liên quan; Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố ven biển.	- Xây dựng Đề án kiểm soát chặt chẽ các nguồn thải ở khu vực ven biển, trên đảo. - Xây dựng bộ dữ liệu về nguồn thải các tỉnh ven biển và trên đảo.	Giai đoạn 2026 - 2030	Trình Bộ phê duyệt danh mục nhiệm vụ mở mới.
1.9	Chú trọng bảo vệ các hệ sinh thái biển, đảo; phát triển các khu bảo tồn biển.	Cục Thủy sản và Kiểm ngư.	Các đơn vị trực thuộc Bộ có liên quan.	Tiếp tục triển khai thực hiện Đề án mở rộng, thành lập mới các khu bảo tồn biển, khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản, phục hồi các hệ sinh thái biển đến năm 2030, để đảm bảo diện tích các khu	Giai đoạn 2026-2030	

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Định lượng chỉ tiêu, hoạt động thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
				bảo tồn biên, ven biển đạt 6% diện tích tự nhiên vùng biển Việt Nam (Quyết định số 1539/QĐ-TTg ngày 10/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ) và báo cáo kết quả thực hiện hằng năm;		
2	Về thực hiện chính sách, pháp luật về an ninh nguồn nước; giải pháp phòng, chống tình trạng hạn hán, xâm nhập mặn, thiếu, suy giảm, ô nhiễm nguồn nước					
2.1	Xây dựng, công bố Kịch bản nguồn nước trên các lưu vực sông liên tỉnh.	Cục Quản lý tài nguyên nước.	Các đơn vị trực thuộc Bộ có liên quan.	Xây dựng, công bố Kịch bản nguồn nước theo quy định tại khoản 4 Điều 41 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước cho một số lưu vực sông liên tỉnh.	(1) Công bố Kịch bản nguồn nước cho lưu vực sông Hồng - Thái Bình và sông Cửu Long trước tháng 01 hằng năm; (2) Công bố Kịch bản nguồn nước cho các lưu vực sông Bằng Giang - Kỳ Cùng, Mã, Hương, Sê San, Srepók, Đồng Nai vào tháng 01 hằng năm.	

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Định lượng chỉ tiêu, hoạt động thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
2.2	Chủ động phòng, chống và có giải pháp ứng phó với tình trạng hạn hán, xâm nhập mặn, thiếu nước phục vụ sinh hoạt và sản xuất.	Cục Quản lý tài nguyên nước.	Các đơn vị trực thuộc Bộ có liên quan.	(1) Hoàn thành và tổ chức thực hiện các quy hoạch lưu vực sông liên tỉnh; (2) Giám sát việc thực hiện quy hoạch và Kịch bản nguồn nước trên các lưu vực sông; (3) Điều hoà phân phối nguồn nước thông qua các quy hoạch và quy trình vận hành liên hồ chứa trên 11 lưu vực sông; (4) Giám sát việc khai thác tài nguyên nước thông qua hệ thống giám sát trực tuyến.	Hàng năm	
2.3	Tăng cường công tác quan trắc, giám sát, dự báo, cảnh báo sớm thiên tai.	Cục Khí tượng Thủy văn	Các đơn vị trực thuộc Bộ có liên quan.	(1) Theo dõi, giám sát, dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn; (2) Tăng cường khả năng dự báo, cảnh báo bão, áp thấp nhiệt đới; (3) Tăng cường khả năng dự báo, cảnh báo lũ quét, sạt lở đất và sụt lún đất do mưa;	Hàng năm	

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Định lượng chỉ tiêu, hoạt động thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
				(4) Hỗ trợ dự báo thời tiết nguy hiểm khu vực Đông Nam Á; (5) Hỗ trợ cảnh báo lũ quét khu vực Đông Nam Á.		
2.4	Ưu tiên bố trí các nguồn lực, đẩy nhanh thực hiện các dự án trọng điểm về ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai, nhất là hạn hán, xâm nhập mặn, thiếu nước tại vùng Đồng bằng sông Cửu Long, khu vực Tây Nguyên.	Cục Quản lý đề điều và Phòng, chống thiên tai	Các đơn vị trực thuộc Bộ có liên quan.	Đề xuất ưu tiên bố trí trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 để thực hiện đầu tư công, củng cố, nâng cao hệ thống đề điều, công trình phòng, chống thiên tai.	Giai đoạn 2026-2030	
2.5	Nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách huy động nguồn lực thu gom nước thải, nạo vét, khơi thông dòng chảy, cải tạo cảnh quan tại các dòng sông bị ô nhiễm nghiêm trọng; ưu tiên triển khai việc xử lý, phục hồi sông Bắc Hưng Hải, sông Nhuệ - Đáy.	- Cục Môi trường chủ trì nhiệm vụ: Nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách huy động nguồn lực thu gom nước thải, nạo vét, khơi thông dòng chảy, cải tạo cảnh quan tại các dòng sông bị ô nhiễm nghiêm trọng;	Các đơn vị trực thuộc Bộ có liên quan.	- Nghiên cứu, đề xuất cấp có thẩm quyền cơ chế, chính sách, giải pháp huy động nguồn lực thu gom nước thải, khơi thông dòng chảy, cải tạo cảnh quan tại các dòng sông bị ô nhiễm nghiêm trọng; - Điều tra, đánh giá và đề xuất phương án thí điểm phục hồi các nguồn nước bị suy thoái, cạn kiệt và ô nhiễm môi	Giai đoạn 2026-2030	

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Định lượng chỉ tiêu, hoạt động thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
		- Cục Quản lý tài nguyên nước chủ trì nhiệm vụ: triển khai việc xử lý, phục hồi sông Bắc Hưng Hải, sông Nhuệ - Đáy		trường của các sông: Bắc Hưng Hải, Nhuệ - Đáy, Ngũ Huyện Khê.		
2.6	Khẩn trương có lộ trình, giải pháp xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường tại các cụm công nghiệp, làng nghề đang hoạt động; tăng cường thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm các sai phạm.	Cục Môi trường	Các đơn vị trực thuộc Bộ có liên quan.	- Chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương thực hiện quy định tại Điều 52 và Điều 56 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 33, 34 và 35 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ). - Tổ chức kiểm tra và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật theo quy định của pháp luật.	Năm 2026 Hằng năm	Nhiệm vụ “Khẩn trương có lộ trình, giải pháp xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường tại các cụm công nghiệp, làng nghề đang hoạt động” theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Định lượng chỉ tiêu, hoạt động thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
						giao UBND cấp tỉnh thực hiện.
2.7	Bảo đảm 100% hồ chứa thủy điện lớn đang vận hành được kiểm soát, giám sát trực tuyến và nghiên cứu, hoàn thiện các điều kiện kỹ thuật để hướng tới vận hành các hồ chứa lớn, quan trọng trên các lưu vực sông theo thời gian thực trong giai đoạn 2025 – 2030.	Cục Quản lý tài nguyên nước.	Các đơn vị trực thuộc Bộ có liên quan.	Chỉ đạo, đơn đốc quản lý, vận hành các hồ chứa lớn trong Quy trình vận hành liên hồ chứa trên các lưu vực sông; nghiên cứu, hoàn thiện các điều kiện hạ tầng kỹ thuật để hướng tới vận hành theo thời gian thực.	Giai đoạn 2026 - 2030: nghiên cứu thí điểm, xây dựng hạ tầng kỹ thuật để hướng tới vận hành theo thời gian thực.	
2.8	Ưu tiên bố trí nguồn lực xây dựng Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia và các hệ thống công cụ hỗ trợ ra quyết định điều hòa, phân phối tài nguyên nước trên các lưu vực sông					
2.8.1	Nghiên cứu, xây dựng Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia.	Cục Chuyển đổi số.	Các đơn vị trực thuộc Bộ có liên quan.	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu được xây dựng, vận hành đưa vào khai thác, sử dụng, kết nối, đồng bộ với Trung tâm dữ liệu quốc gia	Giai đoạn 2026-2027	
2.8.2	Nghiên cứu, xây dựng Hệ thống công cụ hỗ trợ ra quyết định điều hòa, phân phối tài nguyên nước trên 13 lưu vực sông lớn, quan trọng.	Cục Quản lý tài nguyên nước.	Các đơn vị trực thuộc Bộ có liên quan.	Hệ thống công cụ hỗ trợ ra quyết định điều hòa, phân phối tài nguyên nước trên 13 lưu vực sông lớn, quan trọng.	Giai đoạn 2026 - 2030	
2.9	Hàng năm, bảo đảm tỷ lệ sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh của dân cư nông thôn đạt 93% đến 95%.	Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi.	Các đơn vị trực thuộc Bộ có liên quan.	Đến năm 2030: Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh	Giai đoạn 2026-2030	

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Định lượng chỉ tiêu, hoạt động thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
				của dân cư nông thôn đạt 97% đến 99%. - Ban hành: Tài liệu hướng dẫn kế hoạch cấp nước an toàn khu vực nông thôn cấp tỉnh; Tài liệu hướng dẫn kỹ thuật cung cấp nước sạch đạt chuẩn quy mô hộ gia đình - Thực hiện nội dung về cấp nước sạch trong Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới; giảm nghèo bền vững; phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035. - Thúc đẩy xã hội hóa trong đầu tư, quản lý khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung. - Triển khai công tác khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong lĩnh		

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Định lượng chỉ tiêu, hoạt động thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
				vực cấp nước sạch nông thôn. - Cập nhật cơ sở dữ liệu cấp nước sạch nông thôn.		
3	Về nghiên cứu, thăm dò, khai thác, sử dụng nguồn tài nguyên khoáng sản làm vật liệu xây dựng và tài nguyên, khoáng sản quý hiếm					
3.1	Hoàn thành việc lập, phê duyệt Đề án điều tra, đánh giá tổng thể tiềm năng khoáng sản chiến lược (đất hiếm) trên lãnh thổ Việt Nam (phần đất liền).	Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.	Các đơn vị trực thuộc Bộ có liên quan.	Bộ trưởng Bộ Nông Nghiệp và Môi trường đã ban hành Quyết định số 622/QĐ-BNNMT-m ngày 06 tháng 10 năm 2025 về việc phê duyệt Đề án “Điều tra, đánh giá tổng thể tiềm năng khoáng sản chiến lược (đất hiếm) trên lãnh thổ Việt Nam (phần đất liền) và thăm dò một số diện tích có triển vọng” (giai đoạn 2).	Đã hoàn thành	
3.2	Có lộ trình sớm chấm dứt hoạt động các dự án khai thác, chế biến khoáng sản sử dụng công nghệ lạc hậu gây ô nhiễm môi trường.	Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam	Các đơn vị trực thuộc Bộ có liên quan.	Nghiên cứu, đề xuất lộ trình và cơ chế, chính sách, giải pháp chấm dứt hoạt động của các dự án khai thác, chế biến khoáng sản sử dụng công nghệ lạc hậu, gây ô nhiễm môi trường.	Giai đoạn 2026 - 2030	

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Định lượng chỉ tiêu, hoạt động thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
3.3	Nghiên cứu, đánh giá đầy đủ tác động môi trường về việc thí điểm sử dụng cát biển làm vật liệu xây dựng đối với một số dự án giao thông, bảo đảm nguyên tắc không gây nhiễm mặn cho các khu vực lân cận.	Cục Môi trường	Các đơn vị trực thuộc Bộ có liên quan.	Hướng dẫn các địa phương các vấn đề kỹ thuật cần lưu ý trong quá trình đánh giá tác động môi trường đối với việc sử dụng cát biển làm vật liệu xây dựng của một số dự án giao thông	Năm 2024 - 2025	Đã hoàn thành (Bộ Tài nguyên và Môi trường đã có Công văn số 9156/BTNMT-MT ngày 26/12/2024)
3.4	Điều tra, đánh giá tài nguyên cát biển, thăm dò, khai thác và sử dụng cát biển trong lĩnh vực xây dựng, giao thông và các lĩnh vực khác.	Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.	Các đơn vị trực thuộc Bộ có liên quan.	(1) Tiếp tục thực hiện giai đoạn II Đề án “Đánh giá tài nguyên khoáng sản, phục vụ khai thác cát biển, đáp ứng nhu cầu san lấp các dự án đường cao tốc và hạ tầng giao thông, đô thị vùng Đồng bằng sông Cửu Long”; (2) Điều tra, đánh giá tài nguyên cát biển, thăm dò, khai thác và sử dụng cát biển trong lĩnh vực xây dựng, giao thông và các lĩnh vực khác.	Giai đoạn 1: 2023-2024 Giai đoạn 2: 2026-20230	Hoàn thành giai đoạn 1 (Thực hiện điều tra, đánh giá bước 1, bàn giao tỉnh Sóc Trăng (cũ) cấp phép khai thác)
3.5	Tăng cường đấu giá quyền khai thác khoáng sản, nâng cao hiệu quả sử dụng khoáng	Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.	Các đơn vị trực thuộc Bộ có liên quan.	- Triển khai thi hành Luật Địa chất và Khoáng sản; Luật sửa	Giai đoạn 2024 - 2030	

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Định lượng chỉ tiêu, hoạt động thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
	sản. Sớm xây dựng và vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu số về hoạt động khoáng sản.			đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản; Nghị định số 193/2025/NĐ-CP; Nghị định số 21/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Nghị định 193/2025/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn; - Bộ, ngành và các địa phương phối hợp rà soát, xác định và tổng hợp các khu vực khoáng sản có đủ điều kiện để đưa ra đấu giá quyền khai thác. - Ưu tiên các dự án áp dụng công nghệ hiện đại, chế biến sâu để tăng giá trị gia tăng và đảm bảo nguyên liệu lâu dài. - Tập trung vào minh bạch hóa quy trình đấu giá, nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên và số hóa dữ liệu quản lý.		
3.6	Tập trung đầu tư cho các nhiệm vụ cấp thiết, trọng tâm để bảo đảm tiến độ các quy	Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.	Các đơn vị trực thuộc Bộ có liên quan.	Căn cứ Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 10/02/2022 của Bộ	Giai đoạn 2024 - 2030	

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Định lượng chỉ tiêu, hoạt động thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
	hoạch điều tra cơ bản địa chất, khoáng sản đã được phê duyet.			Chính trị; Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị; Luật Địa chất và Khoáng sản số 54/2024/QH15; Quyết định số 334/QĐ-TTg ngày 01/4/2023; Quyết định 3792/QĐ-BNNMT ngày 17/9/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường của Thủ tướng Chính để bảo đảm tiến độ các quy hoạch điều tra cơ bản địa chất, khoáng sản đã được phê duyệt tập trung nguồn lực Ngân sách nhà nước; vốn góp của các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản gồm các nhiệm vụ cơ bản sau: - Hoàn thành các nhiệm vụ về lập bản đồ địa chất khoáng sản tỷ lệ 1:50.000 phần đất liền. - Hoàn thành điều tra, đánh giá tiềm năng		

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Định lượng chỉ tiêu, hoạt động thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
				khoáng sản tại các cấu trúc có triển vọng ở các khu vực Trung Trung Bộ, Bắc Trung Bộ, Đông Bắc Bắc Bộ; Khoáng sản chiến lược, quan trọng. - Thực hiện điều tra, đánh giá khoáng sản biển. - Thực hiện điều tra, đánh giá điều tra địa chất môi trường và tai biến địa chất.		
3.7	Tăng cường thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân để xảy ra sai phạm trong quản lý, thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản.	Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.	Các đơn vị trực thuộc Bộ có liên quan.	Thanh tra, kiểm tra định kỳ theo kế hoạch, đột xuất khi có yêu cầu, xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm theo quy định	Giai đoạn 2024 - 2030	Nhiệm vụ này đã phân quyền cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện (quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 107 Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2025/QH15).
4	Hoàn thiện chính sách thu hút tổ chức, cá nhân đầu tư, tham gia phát triển sản xuất công nghiệp nông thôn, xây dựng các khu công nghiệp	Vụ Kế hoạch – Tài chính.	Các đơn vị trực thuộc Bộ có liên quan.	Rà soát hoàn thiện chính sách thu hút tổ chức, cá nhân đầu tư, tham gia phát triển sản xuất công nghiệp nông thôn, xây	Hằng năm	

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Định lượng chỉ tiêu, hoạt động thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
	phục vụ nông nghiệp quy mô lớn.			dựng các khu công nghiệp phục vụ nông nghiệp quy mô lớn theo quy định.		
5	Đẩy mạnh cơ giới hóa nông nghiệp.	Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn.	Các đơn vị trực thuộc Bộ có liên quan.	- Tham mưu ban hành Nghị định về cơ chế, cơ giới hoá đồng bộ trong nghiệp. - Đề án đẩy mạnh cơ giới hoá đồng bộ trong nông nghiệp. - Xây dựng mô hình hợp tác xã dịch vụ cơ giới hoá trong sản xuất nông nghiệp	2026 2026-2027	
6	Đẩy mạnh chế biến nông, lâm sản, trong đó tập trung phát triển chế biến sâu các sản phẩm nông nghiệp chủ lực và có lợi thế.	Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường.	Các đơn vị trực thuộc Bộ có liên quan.	- Ban hành Kế hoạch hành động đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm, gia tăng chế biến và phát triển thị trường nông lâm thủy sản. - Tổ chức đánh giá kết quả triển khai hàng năm và tổng kết giai đoạn 2026 – 2030.	2026-2030	
7	Tăng cường ứng dụng công nghệ số, thương mại điện tử. Đẩy mạnh xúc tiến thương mại, mở rộng, đa dạng hóa	Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường.	Các đơn vị trực thuộc Bộ có liên quan.	- Ban hành và tổ chức triển khai Kế hoạch Chuyển đổi số của Cục	2026-2030	

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Định lượng chỉ tiêu, hoạt động thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
	thị trường ngoài nước gắn với nâng cao chất lượng sản phẩm nông nghiệp, tham gia sâu vào các chuỗi cung ứng khu vực và toàn cầu.			giai đoạn 2026 – 2030 và kế hoạch hàng năm.. - Kế hoạch hàng năm về xúc tiến thương mại và phát triển thị trường nông lâm thủy sản. - Xử lý, tháo gỡ vướng mắc kỹ thuật về ATTP trong xuất nhập khẩu nông lâm sản và thủy sản - Tổng hợp, cập nhật, phổ biến quy định kỹ thuật, thông tin thị trường và thị hiệu tiêu dùng.		
8	Chủ động phòng, chống và có giải pháp ứng phó với tình trạng hạn hán, xâm nhập mặn, thiếu nước phục vụ sinh hoạt và sản xuất nhất là hạn hán, xâm nhập mặn, thiếu nước tại vùng Đồng bằng sông Cửu Long, khu vực Tây Nguyên.	Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi.	Các đơn vị trực thuộc Bộ có liên quan.	- Theo dõi sát sao tình hình khí tượng thủy văn, nguồn nước, hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn. - Cung cấp các bản tin vụ/mùa về tình hình nguồn nước và kế hoạch sử dụng nước trong các công trình thủy lợi. - Cập nhật thường xuyên tình hình nguồn nước	Giai đoạn 2026-2030	

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Định lượng chỉ tiêu, hoạt động thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
				trong các bản tin tháng/tuần/đợt xuất. - Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn “Dự báo nguồn nước, xây dựng kế hoạch phân phối, sử dụng nước trong công trình thủy lợi, phục vụ sản xuất nông nghiệp, phòng, chống hạn hán, xâm nhập mặn, ngập lụt, úng” và “Điều tra, giám sát xâm nhập mặn vùng đồng bằng sông Cửu Long phục vụ chỉ đạo điều hành sản xuất nông nghiệp” - Duy trì hoạt động, nâng cấp tính năng bản đồ trực tuyến về cảnh báo nguy cơ hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, ngập lụt, úng.		
9	Tiếp tục rà soát để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quá trình quy định chi tiết; tiếp tục đẩy	Văn phòng Bộ.	Các đơn vị trực thuộc Bộ có liên quan.	Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật để cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính, đẩy mạnh phân cấp, phân	Hằng năm	

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Định lượng chỉ tiêu, hoạt động thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
	mạnh số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong quá thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến.			quyền trong quá trình quy định chi tiết nhằm thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước về nội dung này.		